

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/01/2024.

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Nguyên, bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 31/01/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 300/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C – Sinh năm 1982.

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố T, phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã L, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

(Chị C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trung Minh, thành phố Hòa Bình từ năm 2011. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, khoảng thời gian năm 2022 vợ chồng anh chị nảy sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng không hợp nhau, có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nguyên nhân do anh T thường xuyên bỏ

bê không quan tâm đến gia đình, chị C có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không thay đổi, dẫn đến việc thường xuyên xảy ra cãi vã, hai vợ chồng hiện không còn quan tâm đến nhau, giữa chị và anh T không còn tình cảm. Vợ chồng chị hiện đã sống ly thân, nay chị Nguyễn Thị C đề nghị ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 10/3/2006 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 21/11/2012. Khi ly hôn, chị C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị C cho rằng vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị C tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn.

Quá trình thu thập chứng cứ, Tổ trưởng tổ dân phố Tân Lập 1 và mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T cung cấp: Hiện chị C và anh T đã không còn chung sống cùng nhau từ năm 2022 đến nay, anh T thường xuyên đi làm ăn xa, chị C cũng không sinh sống cùng anh T mà đi làm ăn từ năm 2023 không ở nhà, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau.

Quá trình cung cấp chứng cứ, anh Nguyễn Văn T vắng mặt, không tham gia tố tụng, mặc dù đã được tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập làm việc nhiều lần.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn, giữ nguyên những quan điểm đã nêu tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Tòa.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các **Điều 70, Điều 71** Bộ luật tố tụng dân sự. Phía nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, phía bị đơn đã được tổng đạt các giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt, nên áp dụng các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị C ly hôn với anh T. Về con chung: Đề nghị giao 02 con Nguyễn Văn L, sinh ngày 10/3/2006 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 21/11/2012 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung đương sự cho rằng không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập. Về án phí, nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc ly hôn. Đồng thời, bị đơn – anh Nguyễn Văn T, nơi đăng ký thường trú tại Tổ dân phố T, phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị C vắng mặt tuy nhiên có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn – anh Nguyễn Văn T đã được tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp pháp nhiều lần nhưng vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Minh (nay là phường Trung Minh), thành phố Hòa Bình từ năm 2011. Đến khoảng thời gian giữa năm 2022 trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, chung sống không hạnh phúc, có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống, chị C và anh T đã ly thân kéo dài, cuộc sống chung thực tế không tồn tại. Nay chị C xin được ly hôn với anh T là phù hợp căn cứ luật định, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 10/3/2006 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 21/11/2012. Sau khi ly hôn chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con Nguyễn Văn L và Nguyễn Ngọc T, chị C không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện cháu Nguyễn Văn L và cháu Nguyễn Ngọc T đều chưa đủ tuổi trưởng thành, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp từ mẹ, đồng thời cháu Thái và cháu Long đều có nguyện vọng được sinh sống cùng với chị C sau khi bố mẹ ly hôn, mặt khác bản thân anh Nguyễn Văn T thường xuyên vắng mặt tại địa phương, nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con sau khi ly hôn của chị C là phù hợp, cần chấp nhận giao 02 con chung Nguyễn Văn L và Nguyễn Ngọc T cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị C không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm, sự tự nguyện phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; **Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84** của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị C ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao hai con Nguyễn Văn L, sinh ngày 10/3/2006 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 21/11/2012 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành. Anh Nguyễn Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom con chung, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo luật định.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp theo Biên lai số 0000049 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Chi cục THADS thành phố HB;
- UBND phường, xã nơi DS cư trú;
- UBND phường, xã nơi thực hiện Đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Quỳnh Anh

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xét xử.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

